

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/MẬT ONG MAI CÙ/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Cơ sở mật ong Mai Cù

Địa chỉ: 139 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (139 Hoàng Thị Loan, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên)

Điện thoại: 0979761389

Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số 05A8001063, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 27/4/2018, nơi cấp: UBND thành phố Hưng Yên

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số: 07/2018/UBND-CN ngày 25/7/2018, nơi cấp: UBND thành phố Hưng Yên.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **Mật ong Mai Cù**
2. Thành phần: **Mật ong hoa nhãn**
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng trong các bình, can được làm từ nhựa đảm bảo theo QCVN 12-1:2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Thể tích: 300 ml, 500ml, 650ml, 750ml, 1 lít, 1,5 lít, 2 lít, 3 lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít, 25 lít, 30 lít, 40lít, 45 lít, 60 lít.

- Đóng chai thủy tinh đạt quy chuẩn đạt QCVN 12-4:2015/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Thể tích: 300 ml, 500ml, 650ml, 750ml, 1 lít, 1,5 lít, 2 lít, 3 lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít, 25 lít, 30 lít, 40lít, 45 lít.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Cơ sở mật ong Mai Cù

Địa chỉ: 139 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (139 Hoàng Thị Loan, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên)

Điện thoại: 0979761389

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa;

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế quy định ô nhiễm tối đa sinh học và hóa học trong thực phẩm;

- QCVN 8-1:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm”;

- QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”;

- Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 24 tháng 7 năm 2019

CHỦ CƠ SỞ


Nguyễn Văn Cường

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Mật ong Mai Cừ

Thành phần: **Mật ong hoa nhãn**

- **Ngày sản xuất:**

Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hướng dẫn sử dụng:

sản phẩm được sử dụng ăn trực tiếp.

Bảo quản sản phẩm nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng và hóa chất.

Tổ chức, cá nhân: Cơ sở mật ong Mai Cừ

Địa chỉ: 139 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên,
tỉnh Hưng Yên (139 Hoàng Thị Loan, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên,
tỉnh Hưng Yên)

Điện thoại: 0979761389

Khối lượng tịnh/thể tích:



812/QĐ-ATTP
CHỈ ĐỊNH BỘ Y TẾ

116/TN
ĐĂNG KÝ BỘ KH&CN

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM
MekongLAB

ISO/IEC 17025:2005

019/2017/BNN-KNTP
CHỈ ĐỊNH BỘ NN&PTNN

TNDM-BCT.10.16
CHỈ ĐỊNH BỘ CÔNG THƯƠNG

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

JOB No./ Số phiếu yêu cầu phân tích: 41466.19	Report date/ Ngày: 22-07-2019
Doc. code/ Mã số tài liệu: MKL-TT04-BM01	Page/ Trang: 1/ 2

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CƠ SỞ MẬT ONG MAI CÙ
 Address (Địa chỉ) : 139 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (139 Hoàng Thị Loan, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên)
 Information provided by applicant : Mật ong Mai Cù
 (Thông tin được khách hàng cung cấp)
 Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong thùng cách nhiệt
 Seal No (Số niêm) : Không niêm
 Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
 Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 14-07-2019
 Sample tested on (Ngày phân tích) : 15-07-2019

Code/ Mã mẫu	Name/ Tên mẫu	Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
41466.19/ 3	Mật ong Mai Cù	Tổng số vi khuẩn hiếu khí (**)	ISO 4833-1:2013	CFU/g	-	1.0x10 ²
		Coliforms (**)	ISO 4832:2006	CFU/g	-	<10
		<i>E. coli</i> (**)	ISO 16649-2:2001	CFU/g	-	<10
		<i>Staphylococcus aureus</i> (**)	ISO 6888- 1:1999/Amd.1:2003	CFU/g	-	<10
		<i>Clostridium perfringens</i> (**)	ISO 7937:2004	CFU/g	-	<10
		<i>Bacillus cereus</i>	ISO 7932:2004	CFU/g	-	<10
		Nấm men, nấm mốc (**)	ISO 21527-2:2008	CFU/g	-	<10
		Asen (As) (**)	AOAC 986.15	mg/kg	0.0125	ND
		Cadimi (Cd) (**)	AOAC 999.11	mg/kg	0.005	Vết 0.005 <LOQ=0.015
		Chì (Pb) (**)	AOAC 999.11	mg/kg	0.05	0.26
		Thủy ngân (Hg) (**)	AOAC 971.21	mg/kg	0.015	ND
		Đường tổng số	TCVN 5269:1990	%	-	67.82
		Đường khử	TCVN 5266:1990	%	-	37.96
Độ ẩm (**)	M.K.Lab 36	%	-	22.69		

